

Chỉ số thành bại của Việt Nam 2006-2016

GS.TS Hồ Sĩ Quý

Viện Thông tin Khoa học Xã hội

Trong Báo cáo Chỉ số thành bại của các quốc gia (Fragile States Index - FSI) thì từ năm 2006 đến nay, tuy nằm trong số các quốc gia thuộc diện cảnh báo, nhưng Việt Nam luôn nằm ngoài danh sách 50 quốc gia có chỉ số thất bại và được đánh giá là thành công hơn nhiều so với các nước láng giềng và trong khu vực (Việt Nam thành công thứ 4 trong khối ASEAN). Điều này phản ánh Việt Nam đã đạt được những kết quả tích cực, đáng kể ở những lĩnh vực về cải cách kinh tế, kiểm chế lạm phát, ổn định chính trị. Nền kinh tế tuy vẫn có lên xuống về tốc độ tăng trưởng, nhưng không có bất ổn chính trị và những biến động kinh tế - xã hội vẫn ở mức chưa làm thay đổi nhiều về thứ bậc các chỉ số thành phần. Chính vì vậy có thể nhận định, sự thành công trong một tương lai gần vẫn là khả năng thực tế của Việt Nam.

Bộ công cụ đo đạc FSI

Trong số những nghiên cứu về sự thành công và thất bại của các quốc gia, ngày nay các nhà khoa học, các nhà hoạt động xã hội và các quốc gia đều dành sự chú ý đáng kể đến Chương trình nghiên cứu định lượng thường niên của Quỹ vì Hòa bình (thành lập năm 1957, thuộc Tạp chí Foreign Policy nổi tiếng của Mỹ). Kể từ năm 2005, trên Foreign Policy, Quỹ vì Hòa bình đã công bố thường niên Bảng xếp hạng các quốc gia được đánh giá theo FSI. Chúng tôi dịch là “Chỉ số thành bại của các quốc gia” vì tên gọi này phản ánh chính xác hơn tư tưởng của các nhà thiết kế. Chỉ số chung và các chỉ số thành phần đều đo theo thang điểm 10. Điểm cao hơn phản ánh tình huống có vấn đề (problematic situations) nhiều hơn, tức là độ thất bại lớn hơn; điểm thấp hơn là có vấn đề ít hơn, tức là thành công hơn.

Chỉ số FSI được tổng hợp từ 90.000 nguồn dữ liệu định lượng theo 3 lĩnh vực: Xã hội, kinh tế và chính trị của gần 200 quốc gia/vùng lãnh thổ trên thế giới. Chỉ số FSI được thiết kế gồm 12 chỉ báo: 4 chỉ báo xã hội (áp lực dân số, người tị nạn và nguy cơ nhân đạo, các nhóm thù địch xã hội, di dân trốn hoàn cảnh sống trong nước), 2 chỉ báo kinh tế (chênh lệch về phát triển theo

các nhóm dân, nghèo - suy thoái kinh tế), 6 chỉ báo chính trị (tính chính đáng của nhà nước, dịch vụ công, quyền con người, bộ máy an ninh, tình trạng bỏ ra nước ngoài của giới thượng lưu, mức độ can thiệp từ bên ngoài). Tổng điểm của 12 chỉ báo này là tổng số điểm đánh giá mức độ thành bại, tức chỉ số FSI của quốc gia được đo đạc.

Trong bảng chỉ số thành bại FSI, căn cứ vào tổng số điểm, các quốc gia được chia thành 4 loại: 1) Báo động, có điểm số FSI từ 90 điểm trở lên (trong đó, “Báo động cực cao” từ 110 điểm trở lên, “Báo động cao” từ 100 đến 110 điểm và “Báo động” từ 90 đến 100 điểm); 2) Cảnh báo, có điểm số FSI từ 60 đến 90 điểm (gồm: “Cảnh báo cao” từ 80 đến 90 điểm, “Cảnh báo tăng cao” từ 70 đến 80 điểm và “Cảnh báo” hoặc là “Cảnh báo thấp” từ 60 đến 70 điểm); 3) Ổn định, có điểm số FSI từ 30 đến dưới 60 điểm (gồm: “Rất ổn định” từ 30 đến 40 điểm, “Ổn định cao” từ 40 đến 50 điểm và “Ổn định” từ 50 đến 60 điểm).

Kể từ khi được công bố đến nay, các quốc gia thất bại nhất luôn thuộc về châu Phi. Các quốc gia thành công nhất vẫn thuộc về châu Âu, Bắc Mỹ, Australia rồi đến châu Á, Nam Mỹ và Trung Đông. Các quốc gia có FSI tiêu cực đều ít nhiều vướng vào các chỉ số

như tình trạng tham nhũng cao, các hành vi phạm tội phổ biến, không có khả năng thu thuế hoặc ít được dân chúng ủng hộ, lượng người buộc phải rời bỏ quê hương nhiều, nền kinh tế suy thoái, sức ép dân số cao, người tị nạn bỏ ra nước ngoài, môi trường sống bị phá hoại nghiêm trọng.

Trung Quốc năm 2009 xếp thứ 57, thuộc loại quốc gia thất bại, nằm trong nhóm 60 nước có chỉ số FSI cao nhất; nhưng năm 2010 đã tiến 5 bậc về phía các chỉ số tích cực hơn. Theo các số liệu trong Báo cáo FSI thì Trung Quốc có chỉ số FSI lớn về tiêu chí áp lực dân số 9/10 điểm, làm nảy sinh tình trạng có nhiều người di cư ra nước ngoài, phân hóa giàu nghèo quá chênh lệch (chỉ số phát triển không đồng đều là 9,2/10 điểm)...

Năm 2016, trong số 38 nước thuộc loại “Báo động”, có một số nước thuộc loại “Báo động cực cao”, đó là: Somalia cao nhất (114,5 điểm, xếp thứ 1), tiếp đến là Nam Sudan (113,8 điểm), Cộng hòa Trung Phi (112,1 điểm), Sudan (111,5). Quốc gia thành công nhất 2016 là Phần Lan (với tổng số điểm là 18,8), tiếp đến là Na Uy (21,2), New Zealand (21,3), Đan Mạch (21,5). Cũng như năm 2015, trong 15 quốc gia “Bền vững” 2016 có Australia, Canada và 13 quốc gia châu Âu.

Ở khu vực Đông Nam Á, năm 2016 Singapore có tổng điểm FSI là 32,9, xếp thứ 161, là quốc gia có chỉ số FSI tích cực ở châu Á (hơn Mỹ và Nhật Bản). Brunei có tổng điểm là 62,0, xếp thứ 123; Malaysia có tổng điểm là 66,1, xếp thứ 115; Việt Nam có tổng điểm là 70,7, xếp thứ 106 (tăng 9 bậc so với năm 2015); Indonesia có tổng điểm là 74,9, xếp thứ 86; Thái Lan có tổng điểm là 78,8, xếp thứ 74; Lào có tổng điểm là 84,4, xếp thứ 55; Philippines có tổng điểm là 84,7, xếp thứ 54; Campuchia có tổng điểm là 87,4 điểm, xếp thứ 46; Myanmar có tổng điểm là 96,3, xếp thứ 26. Như vậy, Lào, Philippines, Campuchia và Myanmar vẫn thuộc loại quốc gia thất bại.

FSI của Việt Nam từ năm 2006 đến 2016

Vị trí của Việt Nam trong bảng xếp hạng FSI từ 2006 đến 2016 được thể hiện trong bảng 1.

thành công nhất là Phần Lan 71 bậc. Tuy nhiên, điểm tuyệt đối của chỉ số FSI thì chưa cải thiện nhiều (mới chỉ từ 78,6 điểm giảm xuống còn 70,7 điểm), nghĩa là mới chỉ cải thiện được 8 điểm về phía tích cực, vẫn nằm trong số quốc gia thuộc loại “Cảnh báo”. Điều này phản ánh sự thất bại của nhiều quốc gia trên thế giới đã làm thay đổi vị trí tương đối của Việt Nam. Việt Nam mới chỉ tiến về phía tiến bộ được 8 điểm, trong khi đó đã vượt lên trên vị trí của khoảng gần 30 nước. Dù sao đó cũng là thành tựu rất có ý nghĩa đối với Việt Nam trên con đường hội nhập và phát triển, đặc biệt trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế thế giới (giai đoạn 2008-2011), tình trạng khủng bố và bất ổn xảy ra ở nhiều quốc gia, tình hình chính trị Biển Đông ngày càng căng thẳng...

Về các chỉ số vận động theo hướng tích cực, Việt Nam qua 10 năm đã có chuyển biến đáng kể ở các chỉ số “Áp lực dân số”, “Tị nạn và nguy cơ nhân

độ căng thẳng từ 7,0 điểm xuống còn 5,8 điểm, tị nạn và nguy cơ nhân đạo giảm từ 6,5 xuống còn 4,4 điểm, di dân giảm từ 7,0 điểm xuống 5,9 điểm (năm xuống thấp nhất là 2014 với điểm số là 5,5). Chỉ số chênh lệch phát triển giữa các vùng miền và giữa các tầng lớp cư dân tuy không có đột biến, nhưng giảm đều theo hướng tích cực từ 6,2 điểm năm 2006 xuống còn 5,2 điểm năm 2016. Tình trạng dịch vụ công qua hơn 10 năm đã giảm căng thẳng từ 6,6 điểm xuống còn 4,9 điểm vào năm 2016.

*
* *

Những số liệu mà Quý vì Hòa bình đã công bố cho thấy, mức độ thành công của Việt Nam hơn 10 năm qua là rất đáng khích lệ. Đặc biệt trong bối cảnh từ năm 2016, nền kinh tế Việt Nam gặp phải những khó khăn trước đây chưa từng có như: Hạn hán khắc nghiệt nhất trong vòng 100 năm qua, ngập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long và sự cố môi trường ở miền Trung. Nông nghiệp, ngành được coi là lợi thế, có tầm quan trọng về dân sinh, đã bắt đầu suy giảm. Một số vấn đề kinh tế vĩ mô từ các năm trước như cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, giải quyết nợ công, nợ xấu, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, giảm lệ thuộc vào bên ngoài... vẫn kém về thực chất, thậm chí một số vấn đề còn nghiêm trọng hơn. Trong bối cảnh thị trường thế giới còn nhiều biến động, cạnh tranh tăng lên, giá cả những hàng hóa mà Việt Nam có lợi thế sụt giảm đáng kể.

Cần phải nhìn vào thực trạng đó để thấy được những cố gắng của Việt Nam trong suốt hơn 10 năm kể từ khi có báo cáo FSI đầu tiên, sự tiến bộ của Việt Nam trong việc duy trì và kiểm soát các nhân tố thành bại, theo chúng tôi là rõ và chấp nhận được. Trong bối cảnh thế giới có nhiều nước bị tụt hạng thì việc Việt Nam vẫn giữ được thứ hạng như đã công bố trong bảng xếp hạng toàn cầu là sự phản ánh thực tế khách quan

Bảng 1. Chỉ số FSI của Việt Nam từ 2006 đến 2016.

Năm	Xếp hạng	Tổng điểm FSI	Áp lực gia tăng dân số	Tị nạn và nguy cơ nhân đạo	Nhóm thù địch xã hội	Di dân	Chênh lệch phát triển	Nghèo - suy thoái kinh tế	Tình chính đáng của nhà nước	Dịch vụ công	Quyền con người	Bộ máy an ninh	Giới thường lưu ra nước ngoài	Cán thiệp từ bên ngoài
2006	70	78,6	7,0	6,5	5,3	7,0	6,2	5,6	7,0	6,6	7,0	7,5	7,0	5,9
2007	78	77,8	6,5	5,9	5,3	7,0	6,2	6,2	7,0	6,5	6,9	7,4	7,0	5,9
2008	95	74,6	6,6	5,0	5,3	6,0	6,2	6,1	7,2	6,0	7,0	6,4	6,9	5,9
2009	94	76,9	6,8	5,3	5,5	6,0	6,5	6,7	7,3	6,3	7,2	6,2	7,1	6,0
2010	95	76,6	6,9	5,2	5,3	5,9	6,5	6,6	7,3	6,4	7,3	6,0	7,0	6,2
2011	88	76,1	6,7	5,0	5,7	5,7	6,2	6,1	7,5	6,4	7,7	6,0	6,9	6,1
2012	96	74,0	6,1	4,4	6,0	6,0	5,9	6,1	7,5	6,1	7,4	5,7	6,9	5,9
2013	97	73,1	5,9	4,7	5,7	5,7	5,8	6,2	7,8	5,8	7,5	5,4	6,9	5,6
2014	98	72,7	6,2	5,0	6,0	5,5	5,8	5,7	8,0	5,5	7,6	5,1	6,9	5,4
2015	97	72,4	6,1	4,7	6,5	5,6	5,5	5,8	8,1	5,2	7,8	5,1	6,9	5,1
2016	106	70,7	5,8	4,4	6,2	5,9	5,2	5,3	8,4	4,9	7,5	4,8	6,9	5,4

Từ năm 2006 đến nay, thứ hạng xếp loại FSI của Việt Nam luôn thay đổi theo chiều hướng tích cực. Số liệu bảng 1 cho thấy, nếu năm 2006, thứ hạng của Việt Nam là 70/177 nước thì đến năm 2016 Việt Nam đã ở vị trí 106/177 nước, tiến về phía tích cực 36 bậc, nhưng vẫn còn cách xa nước

đạo”, “Di dân”, “Chênh lệch phát triển”, “Dịch vụ công”, “Bộ máy an ninh và cơ chế vận hành trong các cơ quan công quyền”. Các chỉ số này tuy không tiến bộ vượt bậc, nhưng thay đổi đều, tuần tự và luôn đi theo xu hướng tích cực. Sau hơn 10 năm, áp lực dân số giảm